CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG KỸ THUẬT
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
CHO KỲ HOẠT ĐỘNG
TỪ NGÀY 1 THÁNG 1 NĂM 2015 ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 6 NĂM 2015

Tháng 8 năm 2015

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7 - 8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	9 - 50

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Vũ Hoàng	Chủ tịch
Ông Đặng Ngọc Thanh	Phó Chủ tịch
Ông Lê Quốc Bình	Thành viên
Bà Nguyễn Mai Bảo Trâm	Thành viên
Ông Dominic Scriven	Thành viên
Ông Gerardo C. Ablaza, Jr	Thành viên
Ông Nguyễn Hồng Sơn	Thành viên
Ông John Eric T. Francia	Thành viên
Ông Nguyễn Quang Thanh	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Lê Quốc Bình	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Mai Bảo Trâm	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trương Khắc Hoành	Phó Tổng Giám đốc
Ông Dương Quang Châu	Giám đốc đầu tư
Bà Nguyễn Thị Thu Trà	Giám đốc tài chính
Ông Nguyễn Quyết Chiến	Giám đốc kế hoạch hành chính
Bà Nguyễn Quỳnh Hương	Giám đốc Phát triển dự án & quản lý vốn

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc

S.Đ.K.K.D: 0302483... - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG KỸ THUẬT THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
QUẬN 1 - TP. HỒ CHÍ MINH

Lê Quốc Bình
Tổng Giám đốc
Ngày 26 tháng 8 năm 2015

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ
International Auditing and Financial Consulting Company Limited
Địa chỉ : Phòng 3203, Tầng 32, Nhà 34T, KĐT Trung Hòa - Nhân Chính, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.
Address: Room 3203, 32th Floor, 34T Building, Trung Hoa - Nhan Chinh, Cau Giay District, Hanoi, Vietnam.
Tel: (84) 222 12 891 Fax: (84) 222 12 892 Email: ifc@ifcvietnam.com.vn Website: www.ifcvietnam.com.vn

Số: 20.08/2015/BCSX-IFC

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Kính gửi: **Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "Báo cáo tài chính riêng") được lập ngày 26 tháng 8 năm 2015 của Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (gọi tắt là "Công ty"), từ trang 4 đến trang 50. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về Báo cáo tài chính riêng này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính riêng theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện công việc soát xét để đạt được sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính riêng không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công việc soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

M.S.D.N: 0101177123 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ
Q. HOÀNG MAI - TP. HÀ NỘI

Khúc Đình Dũng
Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0748-2013-072-1
Ngày 26 tháng 8 năm 2015

Lương Xuân Trường
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1741-2013-072-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

MẪU SỐ B 01a-DN
(Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC
Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2015	01/01/2015
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**1.978.246.306.128**	**1.258.160.561.478**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**5**	**269.889.101.067**	**387.209.093.464**
1. Tiền	111		214.469.101.067	62.587.657.135
2. Các khoản tương đương tiền	112		55.420.000.000	324.621.436.329
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**1.572.177.590.017**	**705.952.966.254**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	37.129.220.507	37.310.298.007
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	402.871.683.266	61.397.107.992
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8.a	1.020.175.448.241	499.598.564.536
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	9.a	122.337.466.370	115.817.829.053
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10.a	(10.336.228.367)	(8.170.833.334)
IV. Hàng tồn kho	**140**		**135.955.501.606**	**151.599.440.098**
1. Hàng tồn kho	141	11	135.955.501.606	151.599.440.098
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**224.113.438**	**13.399.061.662**
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		224.113.438	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	18.a	-	13.399.061.662
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**5.263.325.755.227**	**5.393.723.668.464**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**1.132.899.787.216**	**778.800.397.119**
4. Phải thu về cho vay dài hạn	215	8.b	45.150.997.600	25.650.997.600
5. Phải thu dài hạn khác	216	9.b	1.137.748.789.616	788.149.399.519
6. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	10.b	(50.000.000.000)	(35.000.000.000)
II. Tài sản cố định	**220**		**663.673.586.711**	**776.149.221.011**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	2.375.617.544	2.685.856.364
- Nguyên giá	*222*		*6.543.810.400*	*6.543.810.400*
- Giá trị hao mòn luỹ kế	*223*		*(4.168.192.856)*	*(3.857.954.036)*
3. Tài sản cố định vô hình	227	13	661.297.969.167	773.463.364.647
- Nguyên giá	*228*		*1.045.064.171.896*	*1.045.064.171.896*
- Giá trị hao mòn luỹ kế	*229*		*(383.766.202.729)*	*(271.600.807.249)*
IV. Tài sản dở dang dài hạn	**240**		**83.205.286.994**	**74.879.060.408**
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	83.205.286.994	74.879.060.408
V. Đầu tư tài chính dài hạn	**250**	**15**	**3.291.955.611.342**	**3.673.828.143.862**
1. Đầu tư vào công ty con	251	15.a	1.848.735.623.793	1.963.186.291.891
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	15.b	908.893.509.435	1.046.530.082.599
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	15.c	73.200.000.000	202.985.291.258
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	15.d	461.126.478.114	461.126.478.114
VI. Tài sản dài hạn khác	**260**		**91.591.482.964**	**90.066.846.064**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	16	91.591.482.964	90.066.846.064
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**7.241.572.061.355**	**6.651.884.229.942**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

MẪU SỐ B 01a-DN
(Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	30/06/2015	01/01/2015
C. NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**4.580.893.848.323**	**4.251.922.619.652**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**1.086.511.005.762**	**1.160.638.926.770**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	335.147.989.416	334.812.102.685
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.613.875.885	1.613.875.885
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18.b	55.044.980.623	49.810.730.489
4. Phải trả người lao động	314		-	10.347.485.685
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	19.a	317.414.595.017	293.691.508.983
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20.a	314.258.551.422	418.470.983.221
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	21	48.534.083.235	48.534.083.235
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		14.496.930.164	3.358.156.587
II. Nợ dài hạn	**330**		**3.494.382.842.561**	**3.091.283.692.882**
7. Phải trả dài hạn khác	337	19.b	261.189.985.047	244.403.577.521
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	20.b	2.194.816.993.056	1.668.272.000.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339	22	1.038.375.864.458	1.178.608.115.361
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**2.660.678.213.032**	**2.399.961.610.290**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	**23**	**2.660.678.213.032**	**2.399.961.610.290**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		2.026.095.380.000	1.867.549.040.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2.026.095.380.000	1.867.549.040.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		150.831.459.777	143.522.399.777
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		119.870.298.143	100.461.873.682
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		363.881.075.112	288.428.296.831
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	*421a*		*15.262.374.109*	*60.286.712.759*
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	*421b*		*348.618.701.003*	*228.141.584.072*
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**7.241.572.061.355**	**6.651.884.229.942**

S.Đ.K.K.D: 0302483177-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG KỸ THUẬT THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
QUẬN 1 - TP. HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Thị Tuyết Nhung	**Nguyễn Thị Mai Hương**	**Lê Quốc Bình**
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Tổng Giám đốc**
Ngày 26 tháng 8 năm 2015		

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

MẪU SỐ B 02a-DN
(Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**	**24**	**183.276.790.000**	**171.861.470.000**
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	24	6.570.000.000	5.903.000.000
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**10**	**24**	**176.706.790.000**	**165.958.470.000**
4. Giá vốn hàng bán	11		-	-
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**20**		176.706.790.000	165.958.470.000
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	630.011.351.554	158.954.639.483
7. Chi phí tài chính	22	26	216.571.596.685	65.432.384.912
- Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*158.616.052.285*	*118.736.525.897*
8. Chi phí bán hàng	25	27	117.389.907.072	93.101.132.692
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	38.559.449.008	14.262.489.697
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	**30**		**434.197.188.789**	**152.117.102.182**
11. Thu nhập khác	31		-	10.604.256
12. Chi phí khác	32	29	3.712.302.035	42.069.117
13. Lợi nhuận khác	**40**		(3.712.302.035)	(31.464.861)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**50**		**430.484.886.754**	**152.085.637.321**
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	30	66.766.924.177	8.236.390.941
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	**60**		**363.717.962.577**	**143.849.246.380**

S.Đ.K.K.D: 0302483177-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG KỸ THUẬT THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
QUẬN 1 - TP. HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Thị Tuyết Nhung	**Nguyễn Thị Mai Hương**	**Lê Quốc Bình**
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Tổng Giám đốc**
Ngày 26 tháng 8 năm 2015		

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

MẪU SỐ B 03a-DN
(Ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC Ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)
Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	176.314.837.500	229.597.860.173
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(13.857.083.965)	(8.040.683.288)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(21.290.706.600)	(10.983.654.962)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	(175.531.412.373)	(151.959.219.694)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	-	(13.544.092.359)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	15.392.037.634	262.370.908.930
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(79.418.162.146)	(283.850.275.350)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**	**(98.390.489.950)**	**23.590.843.450**
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1.Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(345.953.624.924)	(9.360.204.274)
3.Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(1.639.068.616.205)	(699.900.000.000)
4.Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	1.091.832.409.419	652.194.821.263
5.Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(977.901.391.276)	(542.444.373.383)
6.Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	1.439.466.585.602	198.977.010.981
7.Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	188.563.123.133	107.963.360.305
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**	**(243.061.514.251)**	**(292.569.385.108)**
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3.Tiền thu từ đi vay	33	1.618.208.943.120	2.209.952.751.478
4.Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.164.551.603.016)	(1.398.045.611.908)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(229.525.328.300)	(133.648.345.790)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**	**224.132.011.804**	**678.258.793.780**
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	**50**	**(117.319.992.397)**	**409.280.252.122**
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**	**387.209.093.464**	**547.490.549.341**
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	**70**	**269.889.101.067**	**956.770.801.463**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)

(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

Các thông tin bổ sung cho Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

Dòng tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác phát sinh trong kỳ chủ yếu là số tiền 340 tỷ VND ứng trước cho các nhà thầu tham gia thi công dự án B.T xây dựng hạ tầng Khu đô thị mới Thủ Thiêm.

Dòng tiền thu từ đi vay phát sinh trong kỳ (mã số 33) là 1.618.208.943.120 VND, trong đó tổng số tiền vay ngân hàng và các tổ chức là 1.126.933.943.120 VND và tiền thu về từ phát hành trái phiếu hoán đổi cổ phiếu LGC là 491.275.000.000 VND.

Tiền trả nợ gốc vay trong kỳ (mã số 34) là 1.164.551.603.016 VND trong đó bao gồm tiền thanh toán các khoản vay cho ngân hàng và các tổ chức khác là 1.048.551.603.016 VND và tiền thanh toán trái phiếu là 116.000.000.000 VND.

Trong kỳ, nhà đầu tư nắm giữ trái phiếu chuyển đổi của Công ty đã thực hiện chuyển đổi 165.874.000.000 VND thành cổ phiếu. Một khoản tăng vốn và giảm nợ vay tương ứng đã được ghi nhận vào Bảng cân đối kế toán và không làm ảnh hưởng đến các các dòng tiền phát sinh của Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động

S.Đ.K.K.D: 0302483177-C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ HẠ TẦNG KỸ THUẬT THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
QUẬN 1 - TP. HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Thị Tuyết Nhung	**Nguyễn Thị Mai Hương**	**Lê Quốc Bình**
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Tổng Giám đốc**
Ngày 26 tháng 8 năm 2015		

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000747 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 24 tháng 12 năm 2001 và qua các lần thay đổi. Vốn điều lệ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 2.026.095.380.000 đồng, được chia thành 202.609.538 cổ phần bằng nhau (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 1.867.809.040.000 VND tương ứng với 186.780.904 cổ phần), mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015: 144 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014: 132).

Ngành nghề kinh doanh chính và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là đầu tư xây dựng, khai thác, kinh doanh hạ tầng kỹ thuật đô thị theo phương thức hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao (B.O.T); hợp đồng xây dựng - chuyển giao (BT); kinh doanh bất động sản; sản xuất, mua bán các thiết bị chuyên dùng trong lĩnh vực thu phí giao thông và xây dựng; xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, công trình giao thông, công trình đường ống thoát nước.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ là đầu tư xây dựng, khai thác, kinh doanh hạ tầng kỹ thuật đô thị theo phương thức hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao (B.O.T); hợp đồng xây dựng - chuyển giao (BT); đầu tư và quản lý các công ty con.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Các sự kiện quan trọng đã xảy ra trong kỳ hoạt động

Công ty đã thực hiện chuyển nhượng các khoản đầu tư vào các dự án cầu đường như Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận; Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận; Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Xa Lộ Hà Nội và Công ty TNHH BOT Rạch Miễu cho Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII tiếp tục đầu tư và quản lý.

Công ty đã đặt mua thành công 3.974.780 cổ phiếu Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn (SII), nâng tỷ lệ sở hữu từ 49,13% lên 55,94%. Công ty SII trở thành công ty con của Công ty bắt đầu từ ngày 29 tháng 5 năm 2015.

Ngày 14 tháng 1 năm 2015, Công ty đã ký hợp đồng chuyển nhượng 30 triệu cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII (LGC) đồng thời phát hành 1.020 tỷ đồng trái phiếu hoán đổi cổ phiếu LGC cho Metro Pacific Tollways Corporation (MPTC). Việc phát hành trái phiếu hoán đổi sẽ được tiến hành thành 2 đợt. Đến ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty đã hoàn tất việc chuyển nhượng 30 triệu cổ phiếu LGC và phát hành thành công trái phiếu hoán đổi đợt 1 với tổng giá trị là 491.275.000.000 VND.

Trong kỳ, Công ty đã đặt mua thành công 8.565.960 cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư 577 (mã cổ phiếu NBB) với giá mua không thấp hơn 27.000 đồng/cổ phiếu, nâng tỷ lệ sở hữu lên 24,92%, NBB trở thành công ty liên kết của Công ty bắt đầu từ ngày 31 tháng 3 năm 2015.

THÔNG TIN KHAI QUÁT (tiếp theo)

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty đang đầu tư trực tiếp vào bảy (07) công ty con và sáu (06) công ty liên doanh, liên kết. Thông tin chi tiết về các công ty được đầu tư này như sau:

	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
Các công ty con				
1. Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn	TP. Hồ Chí Minh	55,94%	55,94%	Kinh doanh hạ tầng nước, môi trường
2. Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII	TP. Hồ Chí Minh	51,06%	51,06%	Đầu tư vào các dự án cầu đường
3. Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII	TP. Hồ Chí Minh	99,54%	99,54%	Thi công xây dựng công trình giao thông, hạ tầng kỹ thuật
4. Công ty CP Đầu tư Cao ốc Văn phòng 152 Điện Biên Phủ	TP. Hồ Chí Minh	100%	90%	Kinh doanh bất động sản.
5.Công ty TNHH MTV Địa ốc Lữ gia	TP. Hồ Chí Minh	100%	100%	Kinh doanh bất động sản: Cho thuê văn phòng
6. Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cầu đường Bình Triệu	TP. Hồ Chí Minh	98,85%	98,85%	Xây dựng, lắp đặt các công trình giao thông, cấp-thoát nước, thu phí giao thông cầu Bình Triệu
7. Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng	TP. Hồ Chí Minh	100%	100%	Cung cấp các dịch vụ thu phí giao thông, dịch vụ hạ tầng
Các công ty liên doanh, liên kết				
1. Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Vinaphil	TP. Hồ Chí Minh	49,50%	49,50%	Kinh doanh hạ tầng nước, môi trường
2. Công ty Cổ phần Đầu tư 577	TP. Hồ Chí Minh	24,92%	24,92%	Kinh doanh bất động sản
3. Công ty Cổ phần BOO Nước Đồng Tâm	Tỉnh Tiền Giang	49,00%	49,00%	Đầu tư xây dựng, khai thác, kinh doanh nhà máy nước Đồng Tâm
4. Công ty Cổ phần Nước Tân Hiệp	TP. Hồ Chí Minh	43%	43%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
5. Công ty Cổ phần Hòa Phú	TP. Hồ Chí Minh	28,95%	28,95%	Đầu tư xây dựng, khai thác, kinh doanh hạ tầng công nghiệp
6. Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn	TP. Hồ Chí Minh	36,41%	36,41%	Vận tải hành khách

Cấu trúc doanh nghiệp (tiếp theo)

Ngoài các công ty đang đầu tư trực tiếp, Công ty còn có các công ty con và công ty liên doanh, liên kết đầu tư gián tiếp thông qua các công ty con khác như sau:

	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích gián tiếp (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
Các công ty đầu tư gián tiếp thông qua công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn				
Công ty con				
1. Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro	TP. Hồ Chí Minh	47,55%	85%	Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước
2. Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Đankia	Lâm Đồng	50,35%	90%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
3. Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn Pleiku	Tỉnh Gia Lai	33,28%	55,00%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
4. Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Củ Chi	TP. Hồ Chí Minh	55,93%	99,98%	Khai thác, xử lý và cung cấp nước
5. Công ty Cổ phần Giải pháp mạng nước châu Á	TP. Hồ Chí Minh	28,53%	51%	Cung cấp dịch vụ tư vấn quản lý và chống thất thoát nước
Công ty liên kết				
1. Công ty TNHH MTV Cấp nước Long An	Tỉnh Long An	14,41%	25,77%	Khai thác, cung cấp nước sạch, sản xuất nước đóng chai
2. Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa	TP. Hồ Chí Minh	16,03%	28,66%	Cung cấp dịch vụ thu hộ tiền nước sinh hoạt
Các công ty đầu tư gián tiếp thông qua công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII				
Công ty con				
1. Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa Lộ Hà Nội	TP. Hồ Chí Minh	26,04%	51,00%	Đầu tư xây dựng dự án B.O.T mở rộng Xa lộ Hà Nội
2. Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển XD Ninh Thuận	TP. Hồ Chí Minh và tỉnh Ninh Thuận	51,06%	99,99%	Đầu tư, thu phí giao thông hoàn vốn dự án B.O.T mở rộng Quốc lộ 1A đoạn qua Tp. Phan Rang - Tháp Chàm, giai đoạn 1
3. Công ty TNHH MTV BOT Tỉnh Ninh Thuận	TP. Hồ Chí Minh và tỉnh Ninh Thuận	51,06%	100%	Đầu tư, thu phí giao thông hoàn vốn dự án B.O.T mở rộng Quốc lộ 1A đoạn qua Tp. Phan Rang - Tháp Chàm, giai đoạn 2
4. Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu Sài Gòn	TP. Hồ Chí Minh	45,94%	89,98%	Đầu tư xây dựng dự án B.T Cầu Sài Gòn

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo) MẪU SỐ B 09a-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

Cấu trúc doanh nghiệp (tiếp theo)

	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích gián tiếp (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Hoạt động chính
5. Công ty Cổ phần Cơ khí điện Lữ gia	TP. Hồ Chí Minh	50,45%	98,81%	Sản xuất, lắp đặt thiết bị điện
6. Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình	TP. Hồ Chí Minh	51,06%	99,99%	Đầu tư xây dựng các dự án cầu đường
7. Công ty TNHH Đầu tư Hạ tầng VRG	Tỉnh Bình Dương	51,05%	99,99%	Đầu tư, thu phí giao thông hoàn vốn Dự án đầu tư nâng cấp mở rộng đường ĐT 741
Công ty liên doanh, liên kết				
1. Công ty TNHH BOT cầu rạch Miễu	Tỉnh Bến Tre	25,40%	49,75%	Đầu tư, thu phí giao thông hoàn vốn xây dựng cầu Rạch Miễu
2. Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ thuận	TP. Hồ Chí Minh	5,11%	10%	Đầu tư xây dựng đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận
Các công ty đầu tư gián tiếp thông qua công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII				
Công ty con				
1. Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi	Tỉnh Quảng Ngãi	99,54%	100%	Khai thác, sản xuất kinh doanh các loại đất, đá
Công ty liên kết				
1. Công ty Cổ phần Tư vấn và Kiểm định Xây dựng	TP. Hồ Chí Minh	32,36%	32,52%	Tư vấn và kiểm định xây dựng

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp theo Thông tư 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200") hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Theo đó, Công ty đã thực hiện trình bày lại một số chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 theo quy định của Thông tư 200, do đó số liệu của Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 là có thể so sánh được với số liệu tương ứng của năm 2014. Chi tiết các khoản mục được trình bày lại được thể hiện tại Thuyết minh số 33.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Tổng Giám đốc Công ty đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu về cho vay,các khoản phải thu khách hàng, các khoản ký cược, ký quỹ, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, dự phòng phải trả, các khoản vay và trái phiếu phát hành.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc trừ các khoản dự phòng giảm giá chứng khoán.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn từ sau ngày mua được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dồn tích. Lãi và các khoản lợi ích khác mà Công ty được hưởng trước khi nắm giữ khoản đầu tư được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư vào công ty con, góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Đầu tư vào công ty con

Các công ty được xem là công ty con của Công ty khi Công ty nắm quyền kiểm soát tại các công ty này. Quyền kiểm soát được xác lập khi Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết ở công ty con để có được quyền kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động của các công ty đó.

Các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thoả thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Các koản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận theo giá gốc. Các khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư từ sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các lợi ích khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận giảm trừ vào giá gốc của khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC hướng dẫn việc trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên nhận đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo giá gốc trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán theo cam kết hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Máy móc và thiết bị	03 - 07
Phương tiện vận tải	07 - 11
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình là giá trị quyền thu phí giao thông, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Quyền thu phí giao thông là tài sản cố định vô hình có được từ hợp đồng B.O.T được ký giữa Công ty và Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Nguyên giá của tài sản được xác định theo giá trị quyết toán của dự án trên cơ sở là các chi phí mà Công ty đã bỏ ra để thực hiện đầu tư vào dự án theo hợp đồng đã ký.

Quyền thu phí giao thông được khấu hao theo phương pháp tỷ trọng doanh thu. Giá trị trích khấu hao hàng năm được tính bằng nguyên giá nhân với tỷ lệ giữa doanh thu thu được hàng năm và tổng doanh thu ước tính.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước phát sinh chủ yếu bao gồm chi phí lãi vay của dự án B.O.T và các khoản chi phí trả trước khác.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến các dự án B.O.T là chi phí phát sinh trong giai đoạn khai thác hoàn vốn đầu tư. Chi phí này được phân bổ vào kết quả kinh doanh trong kỳ theo tỷ lệ doanh thu thu phí giao thông của dự án.

Chi phí trả trước khác bao gồm chi phí bảo dưỡng đường xá, di dời trạm, chi phí in vé cầu đường, chi phí công cụ, dụng cụ ... Các chi phí này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng, trong thời hạn từ 2 đến 3 năm.

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ và các khoản phải trả khác không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ. Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày lập báo cáo tài chính.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

Trái phiếu phát hành

Các khoản trái phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính trên cơ sở giá trị thuần bằng giá trị của trái phiếu theo mệnh giá trừ (-) chiết khấu trái phiếu cộng (+) các khoản phụ trội của trái phiếu.

Các khoản chiết khấu và phụ trội của trái phiếu được theo dõi chi tiết theo từng loại trái phiếu phát hành và phân bổ vào chi phí đi vay hàng kỳ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của trái phiếu.

Các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành trái phiếu được ghi nhận giảm trừ vào mệnh giá trái phiếu tại thời điểm phát sinh. Định kỳ, chi phí phát hành trái phiếu sẽ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của trái phiếu. Việc phân bổ được thực hiện bằng cách ghi tăng mệnh giá trái phiếu và chi phí đi vay trong kỳ.

Trái phiếu chuyển đổi

Trái phiếu chuyển đổi là trái phiếu có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông của cùng một tổ chức phát hành theo các điều kiện đã được xác định trong phương án phát hành.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, trái phiếu chuyển đổi được xác định riêng biệt thành giá trị cấu phần nợ (nợ gốc) và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi. Phần nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận là nợ phải trả, cấu phần vốn (quyền chọn cổ phiếu) của trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận là vốn chủ sở hữu.

Chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng và ghi nhận vào chi phí đi vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi được ghi giảm phần nợ gốc của trái phiếu.

Trái phiếu chuyển đổi (tiếp theo)

Định kỳ, chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ bằng cách ghi tăng giá trị nợ gốc và ghi nhận vào chi phí đi vay phù hợp với việc ghi nhận lãi vay phải trả của trái phiếu.

Tại thời điểm đáo hạn trái phiếu chuyển đổi, giá trị quyền chọn cổ phiếu của trái phiếu chuyển đổi đang phản ánh trong phần vốn chủ sở hữu được chuyển sang ghi nhận là thặng dư vốn cổ phần mà không phụ thuộc vào việc người nắm giữ trái phiếu có thực hiện quyền chọn chuyển đổi thành cổ phiếu hay không. Trường hợp người nắm giữ trái phiếu không thực hiện quyền chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu, phần nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi được ghi giảm tương ứng với số tiền hoàn trả gốc trái phiếu.

Trường hợp người nắm giữ trái phiếu thực hiện quyền chọn chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu, phần nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi được ghi giảm và vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi tăng tương ứng với mệnh giá số cổ phiếu phát hành thêm. Phần chênh lệch giữa giá trị phần nợ gốc của trái phiếu chuyển đổi lớn hơn giá trị cổ phiếu phát hành thêm tính theo mệnh giá được ghi nhận là khoản thặng dư vốn cổ phần.

Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát sinh và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi nhận theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản nhận được do biếu, tặng, sau khi trừ đi thuế phải nộp liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế số cổ phiếu do Công ty phát hành sau đó mua lại được trừ vào vốn chủ sở hữu của Công ty. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành các công cụ vốn chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận theo số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập căn cứ vào điều lệ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

(a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
(b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
(c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
(d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Doanh thu lãi vốn chủ đầu tư các dự án B.O.T

Lãi vốn chủ các dự án B.O.T được ghi nhận theo điều khoản chi phí bảo toàn vốn chủ sở hữu của hợp đồng B.O.T, được tính bằng 14%/năm trên số dư vốn chủ sở hữu thực tế mà Công ty đã đầu tư cho dự án. Khi các dự án bắt đầu đi vào hoạt động thì khoản lãi này sẽ được giảm trừ dần vào doanh thu hàng năm của dự án theo hướng dẫn của công văn 6070/BTC-CST của Bộ Tài Chính ban hành ngày 15 tháng 5 năm 2013.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ghi nhận giá vốn

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo giá trị thực tế phát sinh và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng. Các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Thông tư số 179/2012/TT-BTC ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho các cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp số dư. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
Tiền mặt	874.312.643	12.274.660
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	213.594.788.424	62.575.382.475
Các khoản tương đương tiền	55.420.000.000	324.621.436.329
Cộng	**269.889.101.067**	**387.209.093.464**

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
Phải thu Sở Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh về giá trị đầu tư dự án Tỉnh lộ 25B	36.652.154.476	36.652.154.476
Các khoản phải thu khách hàng khác	477.066.031	658.143.531
Cộng	**37.129.220.507**	**37.310.298.007**

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	300.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII	40.000.000.000	-
Tổng Cty cấp nước Sài Gòn-TNHH MTV	35.647.220.696	35.647.220.696
Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ đức	22.838.430.783	22.838.430.783
Các đối tượng khác	4.386.031.787	2.911.456.513
Cộng	**402.871.683.266**	**61.397.107.992**

Trong đó, trả trước cho người bán là các bên liên quan

	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII	40.000.000.000	

Số dư trả trước cho Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc thể hiện khoản ứng trước theo hợp đồng thầu phụ để thực hiện dự án Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư phía Bắc (Khu chức năng số 3 và số 4) và hoàn thiện đường trục Bắc - Nam (đoạn từ chân cầu Thủ thiêm 1 đến Mai Chí Thọ) trong khu đô thị mới Thủ Thiêm.

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
a. Cho vay ngắn hạn		
Phải thu các bên liên quan *(c)*	990.813.448.241	389.598.564.536
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	29.362.000.000	110.000.000.000
	1.020.175.448.241	**499.598.564.536**
b. Cho vay dài hạn		
Phải thu các bên liên quan *(c)*	19.500.000.000	-
Các khoản hợp tác đầu tư vào các dự án khác	25.650.997.600	25.650.997.600
	45.150.997.600	**25.650.997.600**
Cộng	**1.065.326.445.841**	**525.249.562.136**

c. Phải thu về cho vay các bên liên quan

	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII	818.350.500.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa Lộ Hà Nội	124.858.564.536	149.358.564.536
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII	39.493.706.786	104.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư 577	27.610.676.919	20.000.000.000
Công ty TNHH MTV Địa ốc Lữ gia	-	73.800.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Vinaphil	-	42.440.000.000
Cộng	**1.010.313.448.241**	**389.598.564.536**

9. PHẢI THU KHÁC

	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
a. Phải thu ngắn hạn		
Lãi chậm thanh toán các khoản phí chuyển nhượng các khoản đầu tư	36.380.162.546	10.063.558.989
Phải thu về lãi trái phiếu, tiền gửi và các khoản cho vay	28.890.604.183	28.672.288.353
Nợ gốc trái phiếu đã đáo hạn	25.500.000.000	25.500.000.000
Phải thu lãi vốn chủ dự án B.O.T Cầu Rạch Chiếc *(i)*	13.140.000.000	13.140.000.000
Phải thu người lao động	5.116.042.692	204.400.000
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	1.700.000.000	33.552.089.600
Các khoản phải thu khác	11.610.656.949	4.685.492.111
	122.337.466.370	**115.817.829.053**
b. Phải thu dài hạn		
Phải thu phí chuyển nhượng các khoản đầu tư vào các công ty dự án *(ii)*	957.448.638.146	701.279.248.049
Ký cược, ký quỹ	101.826.277.860	1.826.277.860
Nợ gốc trái phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng đã đáo hạn	50.000.000.000	50.000.000.000
Phải thu lãi vốn chủ dự án B.O.T Cầu Rạch Chiếc	28.473.873.610	35.043.873.610
	1.137.748.789.616	**788.149.399.519**
Cộng	**1.260.086.255.986**	**903.967.228.572**

(i) Số dư thể hiện giá trị lãi vốn chủ sẽ được giảm trừ vào doanh thu thu phí trong 12 tháng tới.

(ii) Đây là khoản phải thu về phí chuyển nhượng các khoản đầu tư vào các công ty con liên quan đến các dự án về cầu đường cho Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII (CIIB&R), trong đó CIIB&R được phép trả chậm và chịu lãi suất là 11%/năm.

(c) Phải thu các bên liên quan

	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII	994.353.180.401	711.342.807.038
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng	11.596.445.000	4.453.415.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa Lộ Hà Nội	7.950.509.120	10.634.476.003
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII	1.340.895.707	32.097.339.600
Công ty Cổ phần BOO Nước Đồng Tâm	34.595.029.218	32.999.999.999
Công ty Cổ phần Đầu tư 577	93.159.320	2.521.221.175
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Vinaphil	-	82.522.222
Phải thu về tiền thuê văn phòng	-	225.720.000
Công ty TNHH MTV Địa ốc Lữ gia	-	143.500.000
Cộng	**1.049.929.218.766**	**794.501.001.037**

10. NỢ XẤU

	30/06/2015			01/01/2015			Đối tượng nợ
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Thời gian quá hạn	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Thời gian quá hạn	
a. Ngắn hạn	**10.336.228.367**	-		**10.336.228.367**	**2.165.395.033**		
Phải thu lãi trái phiếu	6.470.833.334	-	2-3 năm	6.470.833.334	-	2 năm	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng
Phải thu về lãi cho vay	2.165.395.033	-	>3 năm	2.165.395.033	2.165.395.033	>3 năm	Công ty Cổ phần Cỏ Mễ - Vườn Việt
Phải thu về cổ tức được chia	1.700.000.000	-	>3 năm	1.700.000.000	-	>3 năm	Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí PTL
a. Dài hạn	**50.000.000.000**	-		**50.000.000.000**	**15.000.000.000**		
Nợ gốc trái phiếu	50.000.000.000	-		50.000.000.000	15.000.000.000		Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng
Cộng	**60.336.228.367**	-		**60.336.228.367**	**17.165.395.033**		

11. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chi phí các dự án đang đầu tư	135.955.501.606	-	151.599.440.098	-

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2015	176.846.400	6.331.864.000	35.100.000	6.543.810.400
Tăng trong kỳ	-	-	-	-
Tại ngày 30/06/2015	**176.846.400**	**6.331.864.000**	**35.100.000**	**6.543.810.400**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2015	176.846.400	3.646.007.636	35.100.000	3.857.954.036
Khấu hao trong kỳ	-	310.238.820	-	310.238.820
Tại ngày 30/06/2015	**176.846.400**	**3.956.246.456**	**35.100.000**	**4.168.192.856**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 01/01/2015	-	**2.685.856.364**	-	**2.685.856.364**
Tại ngày 30/06/2015	-	**2.375.617.544**	-	**2.375.617.544**

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 1.183.185.370 VND và tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 là 1.288.046.056 VND.

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền thu phí giao thông VND
NGUYÊN GIÁ	
Tại ngày 01/01/2015	1.045.064.171.896
Tăng trong kỳ	-
Tại ngày 30/06/2015	**1.045.064.171.896**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại ngày 01/01/2015	271.600.807.249
Khấu hao trong kỳ	112.165.395.480
Tại ngày 30/06/2015	**383.766.202.729**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 01/01/2015	**773.463.364.647**
Tại ngày 30/06/2015	**661.297.969.167**

Công ty được quyền thu phí giao thông tại trạm Xa lộ Hà Nội để hoàn vốn đã ứng xây dựng cầu Rạch Chiếc theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền quản lý, thu phí giao thông ngày 2 tháng 12 năm 2008 ký với Uỷ ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh và các phụ lục. Công ty bắt đầu thực hiện thu phí từ 0h ngày 1 tháng 6 năm 2013. Nguyên giá của quyền thu phí này hiện đang được Công ty tạm xác định và có thể sẽ được điều chỉnh lại sau khi Uỷ ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thực hiện quyết toán lại giá trị đầu tư của dự án Xây dựng Cầu Rạch Chiếc mới.

Công ty khấu hao quyền thu phí giao thông này theo phương pháp tỷ trọng doanh thu với tỷ lệ khấu hao trong kỳ là 61,2%.

Công ty đã sử dụng quyền thu phí giao thông và các lợi ích kinh tế khác mà Công ty có thể thu được từ quyền thu phí giao thông này để thế chấp cho các khoản vay và nợ như đã trình bày tại Thuyết minh số 20.

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
Dự án B.O.T xây dựng Cao ốc Văn phòng 152 Điện Biên Phủ	74.864.889.421	69.592.791.323
Dự án xây dựng hạ tầng Khu đô thị mới Thủ Thiêm	3.565.905.331	785.027.727
Các dự án khác	4.774.492.242	4.501.241.358
Cộng	**83.205.286.994**	**74.879.060.408**

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

a. Đầu tư vào công ty con

	30/06/2015			01/01/2015		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn *(i)*	485.383.662.063		898.005.625.000	-	-	
Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII *(i)*	453.450.560.076	-	896.520.192.800	146.387.408.179	-	482.700.466.800
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII	415.518.513.904	-		415.518.513.904	-	
Công ty Cổ phần Đầu tư Cao ốc Văn phòng 152 Điện Biên Phủ	270.000.000.000	-		270.000.000.000	-	
Công ty TNHH MTV Địa ốc Lữ gia	150.000.000.000	-		150.000.000.000	-	
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cầu đường Bình Triệu	69.382.887.750	-		69.382.887.750	-	
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng	5.000.000.000			5.000.000.000		
Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận	-	-		422.160.000.000	-	
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	-	-		251.361.482.058	-	
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Xa Lộ Hà Nội	-	-		233.376.000.000	-	
Cộng	**1.848.735.623.793**	**-**	**1.794.525.817.800**	**1.963.186.291.891**	**-**	**482.700.466.800**

(i) Giá trị hợp lý của Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn và Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII được xác định theo giá đóng cửa của cổ phiếu các công ty này niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính.

Giá trị hợp lý của các công ty con còn lại không được xác định do đến thời điểm hiện tại vẫn chưa có hướng dẫn cụ thể và thống nhất về phương pháp xác định giá trị hợp lý trong kế toán của các khoản đầu tư này.

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu với các công ty con trong kỳ

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn		
Mua thêm cổ phiếu tăng tỷ lệ sở hữu	92.797.598.748	133.941.192.353
Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII		
Công ty con phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho công ty mẹ	357.000.000.000	-
Cho vay	827.350.500.000	4.800.000.000
Thu hồi tiền cho vay	9.000.000.000	118.545.592.945
Hoàn trả vốn hợp tác đầu tư quyền thu phí giao thông trạm Xa Lộ Hà Nội	21.640.673.340	-
Chi lợi nhuận hợp tác đầu tư quyền thu phí giao thông trạm Xa Lộ Hà Nội	15.099.261.574	-
Chuyển nhượng các khoản đầu tư vào các công ty dự án cầu đường	1.049.920.010.784	-
Nhận hỗ trợ vốn từ công ty con	-	17.600.000.000
Hoàn trả vốn hỗ trợ cho công ty con	-	14.600.000.000
Phải thu lãi chậm thanh toán phí chuyển nhượng các khoản đầu tư	56.625.446.939	-
Lãi cho vay phải thu	16.424.989.688	2.539.085.917
Chi phí sử dụng vốn phải trả công ty con	-	467.133.333
Cổ tức, lợi nhuận được chia	15.570.982.800	-
Mua hàng	295.446.000	63.098.728
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII		
Mua thêm cổ phần công ty con	-	274.803.737.000
Cho vay	732.718.116.205	275.600.000.000
Thu hồi tiền cho vay	797.224.409.419	305.060.186.157
Lãi cho vay phải thu	2.116.486.288	596.503.808
Nhận hỗ trợ vốn từ công ty con	68.147.910.400	-
Hoàn trả vốn hỗ trợ cho công ty con	68.147.910.400	-
Chi phí sử dụng vốn phải trả công ty con	368.498.395	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Cao ốc Văn phòng 152 Điện Biên Phủ		
Lợi nhuận được chia	8.400.000.000	4.000.000.000
Nhận hỗ trợ vốn từ công ty con	-	26.900.000.000
Chi phí sử dụng vốn phải trả công ty con	7.521.291.972	-
Các khoản chi hộ	225.825.600	223.053.600
Công ty TNHH MTV Địa ốc Lữ gia		
Lãi cho vay phải thu	818.166.667	-
Thu hồi tiền cho vay	73.800.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cầu đường Bình Triệu		
Bán cổ phiếu quỹ	-	20.830.500.000
Nhận hỗ trợ vốn từ công ty con	43.500.000.000	15.598.182.444
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	38.592.596.331
Chi phí sử dụng vốn phải trả công ty con	1.579.819.447	-
Các khoản chi hộ	225.825.600	226.315.550
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng		
Phí dịch vụ thu hộ phí giao thông phải trả	1.209.626.814	1.134.285.702
Cổ tức, lợi nhuận được chia	8.000.000.000	-

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

b. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	30/06/2015			01/01/2015		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Vinaphil	327.442.500.000	-		327.442.500.000	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư 577 *(i)*	312.583.113.435	-	348.811.560.000	-	-	
Công ty Cổ phần BOO Nước Đồng Tâm	183.750.000.000	-		183.750.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Nước Tân Hiệp	45.150.000.000	-		32.250.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Hòa Phú	33.000.000.000	-		33.000.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn	6.967.896.000	-		6.967.896.000	-	-
Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn	-			392.586.063.315	-	696.923.271.000
Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	-	-		70.533.623.284	-	-
Cộng	**908.893.509.435**	**-**	**348.811.560.000**	**1.046.530.082.599**	**-**	**696.923.271.000**

(i) Giá trị hợp lý của Công ty Cổ phần Đầu tư 577 được xác định theo giá đóng cửa của cổ phiếu công ty này niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính.

Giá trị hợp lý của các công ty liên kết còn lại không được xác định do đến thời điểm hiện tại vẫn chưa có hướng dẫn cụ thể và thống nhất về phương pháp xác định giá trị hợp lý trong kế toán của các khoản đầu tư này.

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

Các giao dịch trọng yếu với các công ty liên doanh, liên kết trong kỳ

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Vinaphil		
Mua lại cổ phiếu quỹ tái phát hành của công ty liên kết	-	15.592.500.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	98.232.750.000	
Thu hồi tiền cho vay	42.440.000.000	
Lãi cho vay phải thu	895.955.557	
Công ty Cổ phần Đầu tư 577		
Mua thêm cổ phiếu, nâng tỷ lệ sở hữu thành công ty liên kết	138.672.679.373	
Chuyển nhượng phần vốn góp vào Công ty CP Đầu	180.407.732.500	-
Cho vay	55.000.000.000	5.000.000.000
Lãi phát sinh từ các khoản cho vay	1.941.615.065	1.572.911.227
Cổ tức được chia	-	3.498.930.000
Nhận thanh toán tiền cổ tức, nợ gốc và lãi cho vay	51.759.000.001	14.589.042.161
Công ty Cổ phần BOO Nước Đồng Tâm		
Lãi trái phiếu đã đáo hạn	1.595.029.219	5.219.221.206
Công ty Cổ phần Nước Tân Hiệp		
Góp vốn	12.900.000.000	10.750.000.000
Công ty Cổ phần Bến bãi Vận tải Sài Gòn		
Cổ tức được chia	990.420.000	815.640.000

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

c. *Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

	30/06/2015			01/01/2015		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng	29.500.000.000	-		29.500.000.000	-	
Công ty Cổ phần Đầu tư và XD cầu Đồng Nai	9.000.000.000	-		9.000.000.000	-	
Công ty Cổ phần Du lịch Mê Kông - Mỹ Tho	5.000.000.000	-		5.000.000.000	-	
Công ty BOT Cầu Phú Mỹ	29.700.000.000	-		29.700.000.000	-	
Công ty Cổ phần Đầu tư 577 *(i)*	-	-		129.785.291.258	-	130.099.239.000
Cộng	**73.200.000.000**	-		**202.985.291.258**	-	**130.099.239.000**

(i) Giá trị hợp lý của Công ty Cổ phần Đầu tư 577 được xác định theo giá đóng cửa của cổ phiếu công ty này niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính.

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn khác không được xác định do đến thời điểm hiện tại vẫn chưa có hướng dẫn cụ thể và thống nhất về phương pháp xác định giá trị hợp lý trong kế toán của các khoản đầu tư này.

d. *Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá đánh giá lại VND	Giá gốc VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Vốn hợp tác đầu tư vào các dự án				
Dự án chung cư Diamond Riverside		458.961.083.081	458.961.083.081	458.961.083.081
Dự án khu Cổ Mễ - Vườn Việt		2.165.395.033	2.165.395.033	2.165.395.033
Cộng		**461.126.478.114**	**461.126.478.114**	**461.126.478.114**

Công ty không thực hiện đánh giá lại giá trị các khoản đầu tư vào các dự án tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 vì các dự án này đang trong giai đoạn đầu tư, chưa có đầy đủ cơ sở cho việc đánh giá lại.

16. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
Chi phí lãi vay dự án B.O.T Cầu Rạch Chiếc mới chờ phân bổ *(i)*	89.015.087.141	86.290.569.921
Chi phí phát triển dự án chờ phân bổ	1.475.121.021	2.873.175.136
Chi phí in vé cầu đường chờ phân bổ	916.304.260	754.862.738
Chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng	184.970.542	148.238.269
Cộng	**91.591.482.964**	**90.066.846.064**

(i) Chi phí lãi vay của các khoản vay tài trợ cho dự án B.O.T cầu Rạch Chiếc mới phát sinh sau thời điểm dự án đi vào hoạt động được phân bổ vào chi phí hoạt động kinh doanh hàng kỳ theo tỷ lệ 13,8% trên doanh thu phát sinh trong kỳ. Phương pháp phân bổ chi phí lãi vay này đã được Bộ tài chính chấp thuận tại Công văn số 6070/BTC-CST ngày 15 tháng 5 năm 2013.

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Kho Bạc Nhà Nước Tp.HCM	51.894.826.336	51.894.826.336	45.897.059.991	45.897.059.991
Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn	272.670.714.696	272.670.714.696	272.670.714.696	272.670.714.696
Nhà cung cấp khác	10.582.448.384	10.582.448.384	16.244.327.998	16.244.327.998
Cộng	**335.147.989.416**	**335.147.989.416**	**334.812.102.685**	**334.812.102.685**

Trong đó, phải trả người bán là các bên liên quan

Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn	272.670.714.696	272.670.714.696	272.670.714.696	272.670.714.696
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng	242.795.289	242.795.289	229.289.346	229.289.346
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII	11.332.527	11.332.527	11.332.527	11.332.527
Cộng	**272.924.842.512**	**272.924.842.512**	**272.911.336.569**	**272.911.336.569**

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2015 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã thực nộp trong kỳ VND	30/06/2015 VND
a. Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	13.399.061.662	13.399.061.662	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	-	-	-
Tiền thuế đất	-	-	-	-
Cộng	**13.399.061.662**	**13.399.061.662**	-	-

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC (tiếp theo)

	01/01/2015 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã thực nộp trong kỳ VND	30/06/2015 VND
b. Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	47.872.257.423	-	47.872.257.423	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	53.367.862.515	-	53.367.862.515
Thuế thu nhập cá nhân	1.038.683.592	8.970.002.354	9.158.052.049	850.633.897
Thuế nhà thầu	899.789.474	826.484.211	899.789.474	826.484.211
Các khoản phải nộp khác	-	3.715.302.035	3.715.302.035	-
Cộng	**49.810.730.489**	**66.879.651.115**	**61.645.400.981**	**55.044.980.623**

19. PHẢI TRẢ KHÁC

	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
a. Phải trả ngắn hạn khác		
Kinh phí công đoàn	-	157.300
Bảo hiểm y tế	2.068.830	768.690
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	2.261.048.400	39.665.472.983
Phải trả lãi vay ngân hàng	26.881.106.833	27.867.320.600
Phải trả lãi trái phiếu	31.249.695.920	15.931.703.078
Phải trả chi phí phát hành trái phiếu	6.974.627.722	7.820.860.639
Phải trả chi phí duy tu trạm thu phí	14.241.869.760	10.576.333.960
Phải trả về vốn hỗ trợ kinh doanh	235.754.177.552	191.778.891.733
Các khoản phải trả khác	50.000.000	50.000.000
	317.414.595.017	**293.691.508.983**
b. Phải trả dài hạn khác		
Phải trả vốn hợp tác đầu tư *(i)*	215.432.633.936	211.546.226.410
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	45.757.351.111	32.857.351.111
	261.189.985.047	**244.403.577.521**
Cộng	**578.604.580.064**	**538.095.086.504**
Trong đó, phải trả các bên liên quan		
Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII *(i)*	215.432.633.936	249.814.617.013
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cầu đường Bình Triệu	60.579.819.447	15.500.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Cao ốc Văn phòng 152 Điện Biên Phủ	175.174.358.105	176.278.891.733
Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn	45.757.351.111	32.857.351.111
Cộng	**496.944.162.599**	**474.450.859.857**

(i) Ngày 2 tháng 10 năm 2014, Công ty đã ký hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII (CII B&R) để khai thác quyền thu phí giao thông trên Xa lộ Hà Nội nhằm hoàn vốn đầu tư xây dựng cầu Rạch Chiếc. Tỷ lệ góp vốn đầu tư vào dự án của CII B&R là 99,5% và của Công ty là 0,5% trên tổng vốn đầu tư vào dự án bằng nguồn vốn chủ sở hữu. Lợi nhuận sau thuế từ hoạt động thu phí được chia theo tỷ lệ phần trăm vốn góp của mỗi bên.

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	30/06/2015		Phát sinh trong kỳ		01/01/2015	
	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND	Tăng VND	Giảm VND	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND
Công ty Cổ phần chứng khoán TP. HCM	12.541.551.422	12.541.551.422	42.677.260.817	35.356.692.616	5.220.983.221	5.220.983.221
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam - Sở giao dịch 1	-	-	500.000.000.000	500.000.000.000	-	-
Ngân hàng TMCP Tiên Phong- Chi nhánh Hồ Chí Minh	-	-	100.000.000.000	100.000.000.000	-	-
Công ty Cổ phần chứng khoán Thiên Việt	-	-	140.000.000.000	140.000.000.000	-	-
Các khoản vay và nợ dài hạn đến hạn trả *(xem Thuyết minh b)*	101.717.000.000	101.717.000.000	101.717.000.000	213.250.000.000	213.250.000.000	213.250.000.000
Trái phiếu đến hạn *(xem Thuyết minh b)*	200.000.000.000	200.000.000.000	200.000.000.000	200.000.000.000	200.000.000.000	200.000.000.000
Cộng	**314.258.551.422**	**314.258.551.422**	**1.084.394.260.817**	**1.188.606.692.616**	**418.470.983.221**	**418.470.983.221**

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	30/06/2015		Phát sinh trong kỳ		01/01/2015	
	Giá trị VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND
Vay dài hạn	**918.974.000.000**	**918.974.000.000**	**250.000.000.000**	**205.047.000.000**	**762.488.000.000**	**762.488.000.000**
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 11, TP. Hồ Chí Minh *(i)*	575.691.000.000	575.691.000.000	-	120.047.000.000	695.738.000.000	695.738.000.000
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam - Sở giao dịch 1 *(ii)*	245.000.000.000	245.000.000.000	50.000.000.000	85.000.000.000	280.000.000.000	280.000.000.000
Ngân hàng TMCP Việt Á *(iii)*	200.000.000.000	200.000.000.000	200.000.000.000	-	-	-
Trừ: Số phải trả trong 12 tháng tới	(101.717.000.000)	(101.717.000.000)			(213.250.000.000)	(213.250.000.000)
Trái phiếu phát hành theo mệnh giá	**1.275.842.993.056**	**1.286.275.000.000**	**491.927.000.000**	**121.868.006.944**	**905.784.000.000**	**911.000.000.000**
Trái phiếu hoán đổi cổ phiếu LGC phát hành năm 2015	485.406.993.056	491.275.000.000	491.275.000.000	5.868.006.944	-	-
Trái phiếu 650 tỷ phát hành cho Vietinbank năm 2014	285.436.000.000	290.000.000.000	652.000.000	-	284.784.000.000	290.000.000.000
Trái phiếu 1000 tỷ phát hành cho Vietinbank năm 2013	705.000.000.000	705.000.000.000	-	116.000.000.000	821.000.000.000	821.000.000.000
Trừ: Số phải trả trong 12 tháng tới	(200.000.000.000)	(200.000.000.000)			(200.000.000.000)	(200.000.000.000)
Cộng	**2.194.816.993.056**	**2.205.249.000.000**	**741.927.000.000**	**326.915.006.944**	**1.668.272.000.000**	**1.673.488.000.000**

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Các khoản vay dài hạn và trái phiếu thường được hoàn trả theo lịch biểu sau:

Vay dài hạn

	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
Trong vòng một năm	101.717.000.000	213.250.000.000
Trong năm thứ hai	290.864.000.000	232.012.000.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	628.110.000.000	530.476.000.000
	1.020.691.000.000	**975.738.000.000**
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	(101.717.000.000)	(213.250.000.000)
Cộng	**918.974.000.000**	**762.488.000.000**

Trái phiếu thường

	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
Trong vòng một năm	200.000.000.000	200.000.000.000
Trong năm thứ hai	200.000.000.000	200.000.000.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	595.000.000.000	711.000.000.000
Sau năm năm	491.275.000.000	-
	1.486.275.000.000	**1.111.000.000.000**
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	(200.000.000.000)	(200.000.000.000)
Trừ: Các khoản ghi nhận vào chi phí tài chính trong tương lai (*)	(10.432.006.944)	(5.216.000.000)
Cộng	**1.275.842.993.056**	**905.784.000.000**

(*) Đây là các khoản chi phí phát hành trái phiếu được ghi nhận giảm trừ vào mệnh giá trái phiếu tại thời điểm phát hành. Chi phí này sẽ được hoàn nhập dần vào kết quả kinh doanh trong tương lai theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của trái phiếu.

Thông tin bổ sung cho các khoản vay dài hạn

(i) Ngày 26 tháng 10 năm 2013, Công ty và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 11, thành phố Hồ Chí Minh (Vietinbank) đã ký kết thỏa thuận hợp tác toàn diện cho giai đoạn 2013-2020. Theo đó, Vietinbank sẽ tư vấn phát hành và đầu tư trái phiếu Công ty; cung cấp cho Công ty các sản phẩm về tài chính cho một số dự án mà Công ty đầu tư; cung cấp các dịch vụ tài khoản, tiền gửi và quản lí dòng tiền...cho Công ty. Tháng 11 năm 2013, Vietinbank đã thực hiện mua lại các khoản nợ vay đã được sử dụng để tài trợ cho dự án chuyển nhượng quyền thu phí giao thông trên Xa Lộ Hà Nội, công ty dự án B.O.T Cầu Bình Triệu 2 (Phần 1, giai đoạn 2) và góp vốn vào Công ty Cổ phần Xây Dựng Cầu Sài Gòn. Số dư còn lại của khoản vay tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 575.691.000.000 VND. Lãi suất của khoản vay này được thả nổi theo lãi suất của ngân hàng công bố trong từng thời kỳ. Lãi suất trong kỳ là khoảng 8,5%/năm. Khoản vay sẽ đáo hạn vào ngày 31 tháng 12 năm 2018. Tài sản đảm bảo, thế chấp cho khoản vay là 108.818.508 cổ phiếu do Công ty sở hữu của một số công ty con và công ty liên kết.

***Thông tin bổ sung cho các khoản vay dài hạn** (tiếp theo)*

(ii) Số dư nợ vay cuối kỳ của Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam- Sở Giao dịch 1 là khoản vay theo hợp đồng tín dụng đã ký ngày 4 tháng 9 năm 2014 nhằm mục đích bổ sung vốn hợp tác đầu tư vào dự án thi công mở rộng Xa Lộ Hà Nội. Hạn mức vay là 280 tỷ VND, thời gian giải ngân là đến ngày 4 tháng 9 năm 2018. Thời hạn vay không quá 48 tháng kể từ ngày giải ngân. Lãi suất cho vay được áp dụng theo lãi suất ngân hàng công bố áp từng thời kỳ, được điều chỉnh định kỳ 1 tháng/lần. Lãi suất trong kỳ là khoảng 8,5%-9%/năm. Đây là khoản vay không có tài sản đảm bảo, tuy nhiên Công ty cam kết sử dụng 1 phần nguồn thu ngân sách từ UBND thành phố Hồ Chí Minh thanh toán theo hợp đồng B.T Cầu Sài Gòn để thanh toán cho khoản này

(iii) Số dư nợ vay cuối kỳ của Ngân hàng TMCP Việt Á là khoản vay theo hợp đồng tín dụng ký ngày 30 tháng 6 năm 2015 để thực hiện dự án Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu dân cư phía Bắc (Khu chức năng số 3 và số 4) và hoàn thiện đường trục Bắc - Nam (đoạn từ chân cầu Thủ thiêm 1 đến Mai Chí Thọ) trong khu đô thị mới Thủ Thiêm. Hạn mức vay là 430 tỷ VND. Thời hạn vay không quá 48 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn nợ gốc là 24 tháng. Lãi suất cho vay năm đầu tiên là 10.5%/ năm, các năm tiếp theo được điều chỉnh theo lãi suất huy động thế nhân kỳ hạn 13 tháng trả lãi sau do Ngân hàng công bố + biên độ 3%/ năm và điều chỉnh 12 tháng/lần. Công ty đã sử dụng 12.033.815 cổ phiếu NBB và 500.000 cổ phiếu LGC cùng lợi tức kèm các lợi ích vật chất khác phát sinh từ tài các cổ phiếu này để thế chấp cho khoản vay.

Thông tin bổ sung cho các trái phiếu chưa đáo hạn

Trái phiếu hoán đổi cổ phiếu LGC phát hành cho Metro Pacific Tollways Corporation (MPTC) năm 2015

Ngày 14 tháng 1 năm 2015, Công ty đã ký hợp đồng phát hành 1.020.000 trái phiếu hoán đổi cổ phiếu Công ty Cổ phần Cầu đường CII (mã cổ phiếu: LGC) cho MPTC. Việc phát hành trái phiếu sẽ được thực hiện thành 2 đợt. Vào ngày 11 tháng 3 năm 2015, Công ty đã hoàn tất việc phát hành đợt 1 với số lượng là 491.275 trái phiếu. Thông tin chi tiết và trái phiếu đã phát hành như sau:

- Mệnh giá: 1.000.000 VND/trái phiếu (một triệu đồng);
- Ngày phát hành: 11 tháng 3 năm 2015;
- Thời hạn trái phiếu: 7 năm kể từ ngày hoàn tất
- Lãi suất: 11%/năm;
- Thanh toán lãi trái phiếu: lãi trái phiếu được thanh toàn hàng năm kể từ ngày hoàn tất cho đến ngày sớm hơn giữa ngày mà trái phiếu đó được mua lại toàn bộ và đã được thanh toàn lãi đầy đủ và ngày đáo hạn của trái phiếu;
- Thanh toán gốc trái phiếu: gốc trái phiếu được thanh toán 1 lần khi đến hạn;
- Điều khoản về hoán đổi: trái phiếu được quyền hoán đổi vào bất kỳ thời điểm nào sau ngày tròn 19 tháng kể từ ngày hoàn tất hoặc 1 ngày sớm hơn mà Công ty thông báo, MPTC sẽ có quyền yêu cầu hoán đổi bất kỳ trái phiếu nào còn đang lưu hành tại thời điểm đó. Quyền hoán đổi chỉ được thực hiện đối với ít nhất 10.000 trái phiếu;
- Xác định số lượng cổ phiếu hoán đổi: Mệnh giá hoán đổi chia (:) cho giá hoán đổi. Giá hoán đổi là 18.000 VND và được điều chỉnh xuống giá thấp hơn nếu CIIB&R thay đổi vốn điều lệ do chia cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng hay phát hành cổ phần cho người lao động hoặc thay đổi mệnh giá cổ phần LGC;
- Mục đích phát hành trái phiếu: bổ sung vốn lưu động tài trợ cho hoạt động kinh doanh;
- Tài sản đảm bảo: trái phiếu phát hành không có tài sản đảm bảo nhưng điều kiện để thực hiện được đi kèm với điều kiện Công ty phải chuyển nhượng thành công các công ty dự án cho CII B&R, bao gồm: Công ty CP Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận (i), Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội (ii); Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu Sài Gòn (iii), Công ty TNHH BOT Rạch Miễu (iv) và một công ty dự án (v) do Công ty hoặc CII B&R sở hữu hoặc kiểm soát để xây dựng và thực hiện dự án Cầu Bình Triệu 2 hoặc một dự án có giá trị tương đương. Đến ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty đã chuyển nhượng 4 công ty dự án cho CII B&R và về cơ bản là đã hoàn tất các hồ sơ pháp lý liên quan đến việc chuyển nhượng các công ty dự án này.

***Thông tin bổ sung cho các trái phiếu chưa đáo hạn** (tiếp theo)*

Trái phiếu 650 tỷ phát hành cho cho Vietinbank năm 2014

- Mệnh giá: 1.000.000.000 VND;
- Số lượng: 650 trái phiếu;
- Đối tượng chào bán: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh 11, thành phố Hồ Chí Minh;
- Ngày phát hành: 28 tháng 2 năm 2014.
- Thời hạn trái phiếu: 5 năm.
- Thanh toán lãi trái phiếu: lãi trái phiếu trả định kỳ 6 tháng một lần kể từ và bao gồm ngày phát hành cho đến, nhưng không bao gồm ngày thanh toán lãi và ngày đáo hạn.
- Thanh toán gốc trái phiếu: gốc trái phiếu được thanh toán 1 lần khi đến hạn.
- Lãi suất: Lãi suất trong 6 tháng đầu tiên là 12%/năm. Các kỳ tính lãi tiếp theo lãi suất áp dụng theo lãi suất thả nổi điều chỉnh 6 tháng/lần và được xác định bằng lãi huy động tiền gửi tiết kiệm bằng Đồng Việt Nam kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam + biên độ 3,6%/năm.
- Mục đích: Đầu tư vào Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu, góp vốn điều lệ vào Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII, mua cổ phần của Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn, đầu tư vào dự án BOT Mở rộng Xa lộ Hà Nội và cơ cấu lại khoản vay tại Vietinbank.

Đến ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty đã mua lại trước hạn 360 trái phiếu tương đương tổng mệnh giá là 360 tỷ VND. Số dư cuối kỳ của trái phiếu này là 290 tỷ VND.

Trái phiếu 1000 tỷ phát hành cho Vietinbank năm 2013

- Mệnh giá: 1.000.000.000 VND;
- Số lượng: 1.000 trái phiếu;
- Đối tượng chào bán: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh 11, thành phố Hồ Chí Minh;
- Hình thức trái phiếu: trái phiếu ghi sổ;
- Ngày phát hành: 17 tháng 4 năm 2013;
- Thời hạn trái phiếu: 6 năm;
- Thanh toán lãi trái phiếu: lãi trái phiếu trả định kỳ 6 tháng một lần kể từ bao gồm ngày phát hành cho đến, nhưng không bao gồm ngày thanh toán lãi và ngày đáo hạn;
- Thanh toán gốc trái phiếu: gốc trái phiếu được thanh toán 1 lần khi đến hạn;
- Lãi suất: 13,2%/năm.
- Mục đích: Đầu tư vào dự án Cầu Sài Gòn 2.

Đến ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty đã mua lại trước hạn 295 trái phiếu tương đương tổng mệnh giá là 295 tỷ VND.

21. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Dự phòng phải trả cuối kỳ là giá trị mà Công ty phải trả cho Công ty Kenh Dong Water Holdings, được ghi nhận theo điều khoản bồi hoàn trong Hợp đồng chuyển nhượng khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Cấp nước Kênh Đông giữa Công ty và Manila Water Company, Inc., (nhà đầu tư nước ngoài). Theo đó, Công ty phải bồi hoàn cho Nhà đầu tư nước ngoài đối với các tổn thất phát sinh do hoạt động sản xuất thương mại của dự án Kênh Đông của Công ty Cổ phần Cấp nước Kênh Đông không được bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 năm 2013. Hoạt động phát nước thương mại của nhà máy nước Kênh Đông được chính thức bắt đầu vào ngày 8 tháng 7 năm 2013, do đó Công ty phải thực hiện nghĩa vụ bồi hoàn cho nhà đầu tư theo cam kết.

22. TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI

	30/06/2015		Phát sinh trong kỳ		01/01/2015	
	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND	Tăng VND	Giảm VND	Nợ gốc VND	Giá trị có khả năng thanh toán VND
Trái phiếu chuyển đổi năm 2011	820.191.864.458	830.484.000.000	32.820.125.430,00	92.538.376.333,00	879.910.115.361	899.424.000.000
Trái phiếu chuyển đổi năm 2014	218.184.000.000	218.184.000.000	-	80.514.000.000,00	298.698.000.000	298.698.000.000
Cộng	**1.038.375.864.458**	**1.048.668.000.000**	**32.820.125.430**	**173.052.376.333**	**1.178.608.115.361**	**1.198.122.000.000**

Các trái phiếu chuyển đổi được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
Trong vòng một năm	830.484.000.000	899.424.000.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	218.184.000.000	298.698.000.000
	1.048.668.000.000	**1.198.122.000.000**
Trừ: Các khoản ghi nhận vào chi phí tài chính trong tương lai (*)	(10.292.135.542)	(19.513.884.639)
Cộng	**1.038.375.864.458**	**1.178.608.115.361**

(*) Đây là các khoản chi phí phát hành trái phiếu được ghi nhận giảm trừ vào mệnh giá trái phiếu tại thời điểm phát hành. Chi phí này sẽ được hoàn nhập dần vào kết quả kinh doanh trong tương lai theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của trái phiếu.

22. TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI (tiếp theo)

Thông tin chi tiết về trái phiếu chuyển đổi

Mệnh giá 25 triệu USD, phát hành tháng 1/2011

- Mệnh giá: 500.000 USD và bội số của 100.000 USD;
- Giá chào bán: 100% mệnh giá;
- Đối tượng chào bán: các nhà đầu tư do Goldman Sachs Asset Managerment quản lý;
- Ngày phát hành: ngày 27 tháng 1 năm 2011;
- Kỳ hạn: 5 năm
  + Bắt đầu từ năm thứ 2 trở đi, trái chủ được quyền chuyển đổi một phần hoặc toàn bộ trái phiếu thành cổ phiếu;
  + Bắt đầu từ năm thứ 3 trở đi, trái chủ được quyền yêu cầu Công ty mua lại trái phiếu, sau khi đã thông báo trước 6 tháng. Trái phiếu được mua lại không được tái phát hành;
  + Trường hợp 6 tháng trước ngày đáo hạn mà room nước ngoài không đủ để chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu thì sẽ được tự động gia hạn thêm 1 năm;
  + Nếu không đủ room nước ngoài tại thời điểm chuyển đổi thì trái chủ không được chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu;
- Lãi trái phiếu: 4%/năm;
- Giá chuyển đổi: 18.800 VND/cổ phần;
- Mục đích sử dụng vốn: đầu tư vào dự án chuyển nhượng quyền thu phí giao thông Xa lộ Hà Nội (ứng vốn đầu tư cầu Rạch Chiếc mới) và dự án B.O.T mở rộng Xa lộ Hà Nội.

Trái phiếu này sẽ đến hạn thanh toán hoặc chuyển đổi trong quý 1 năm 2016.

Mệnh giá 71.079.000.000 VND, phát hành tháng 1/2011

- Mệnh giá: 1.000.000 VND và bội số của 1.000.000 VND;
- Giá chào bán: 100% mệnh giá;
- Đối tượng chào bán: Công ty CP Đầu tư Tài chính Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh.
- Kỳ hạn: 5 năm
  + Bắt đầu từ năm thứ 2 trở đi, trái chủ được quyền chuyển đổi một phần hoặc toàn bộ trái phiếu thành cổ phần;
  + Bắt đầu từ năm thứ 3 trở đi, trái chủ được quyền yêu cầu Công ty mua lại trái phiếu, sau khi đã thông báo trước 6 tháng. Trái phiếu được mua lại không được tái phát hành;
- Lãi trái phiếu: 13%/năm đầu tiên, kể từ năm thứ 2 trở đi được tính bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng loại trả lãi sau của 4 ngân hàng thương mại lớn (Vietcombank, Vietinbank, BIDV, AGR) trên địa bàn thành phố cộng (+) biên độ 2%;
- Giá chuyển đổi: 18.800 VND/cổ phần cho 44.424.000.000 VND giá trị trái phiếu chuyển đổi và 10.000 VND/cổ phần cho 26.655.000.000 VND giá trị trái phiếu chuyển đổi;
- Phương thức chào bán: chào bán riêng lẻ;
- Ngày phát hành: ngày 27 tháng 1 năm 2011.
- Mục đích sử dụng vốn: đầu tư vào dự án chuyển nhượng quyền thu phí giao thông Xa lộ Hà Nội (ứng vốn đầu tư cầu Rạch Chiếc mới) và dự án B.O.T mở rộng Xa lộ Hà Nội.

Ngày 28 tháng 7 năm 2014, Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Nhà nước thành phố Hồ Chí Minh đã thực hiện chuyển đổi 26.655 trái phiếu thành 2.665.500 cổ phần phổ thông (mệnh giá 10.000VND/cổ phần). Trong kỳ, trái chủ không thực hiện chuyển đổi thêm trái phiếu. Số dư cuối kỳ là 44.424.000.000 VND sẽ được quyền chuyển đổi với giá là 18.800VND/cổ phần và sẽ đáo hạn vào quý 1 năm 2016.

Mệnh giá 15 triệu USD, phát hành tháng 4/2011

- Mệnh giá: 500.000 USD và bội số của 100.000 USD;
- Giá chào bán: 100% mệnh giá;
- Đối tượng chào bán: các nhà đầu tư do Goldman Sachs Asset Managerment quản lý;
- Kỳ hạn: 5 năm
  + Bắt đầu từ năm thứ 2 trở đi, trái chủ được quyền chuyển đổi một phần hoặc toàn bộ trái phiếu thành cổ phiếu;
  + Bắt đầu từ năm thứ 3 trở đi, trái chủ được quyền yêu cầu Công ty mua lại trái phiếu, sau khi đã thông báo trước 6 tháng. Trái phiếu được mua lại không được tái phát hành;
  + Trường hợp 6 tháng trước ngày đáo hạn mà room nước ngoài không đủ để chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu thì sẽ được tự động gia hạn thêm 1 năm;
  + Nếu không đủ room nước ngoài tại thời điểm chuyển đổi thì trái chủ không được chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu;
- Lãi trái phiếu: 4%/năm;
- Giá chuyển đổi: 10.000 VND/cổ phần;
- Phương thức chào bán: chào bán riêng lẻ;
- Ngày phát hành: ngày 21 tháng 4 năm 2011;
- Mục đích sử dụng vốn: đầu tư vào dự án chuyển nhượng quyền thu phí giao thông Xa lộ Hà nội (ứng vốn đầu tư cầu Rạch Chiếc mới), dự án B.O.T mở rộng Xa lộ Hà nội, dự án B.O.T cao ốc 152 Điện Biên Phủ, dự án đầu tư xây dựng mở rộng tuyến tránh QL1A đoạn qua thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

  Ngày 16 tháng 1 năm 2015, nhà đầu tư đã thực hiện chuyển đổi 4.000.000 trái phiếu thành 8.536.000 cổ phiếu với tỷ giá quy đổi là 21.340 VND/USD. Số dư cuối kỳ là 11.000.000 USD trái phiếu tương đương với 240.325.000.000 VND và sẽ đáo hạn vào tháng 4 năm 2016.

Mệnh giá 1.081.846.000.000 VND, phát hành tháng 6/2014

- Mệnh giá: 1.000.000 VND;
- Giá chào bán: 100% mệnh giá;
- Đối tượng chào bán: Các cổ đông hiện hữu và cán bộ công nhân viên của Công ty;
- Kỳ hạn: 5 năm kể từ ngày phát hành. Trái phiếu được phép chuyển đổi sau 06 tháng kể từ ngày phát hành chia thành 06 đợt như sau:
  + Đợt 1: 06 tháng kể từ ngày phát hành;
  + Đợt 2: 12 tháng kể từ ngày phát hành;
  + Đợt 3: 24 tháng kể từ ngày phát hành;
  + Đợt 4: 36 tháng kể từ ngày phát hành;
  + Đợt 5: 48 tháng kể từ ngày phát hành;
  + Đợt 6: 60 tháng kể từ ngày phát hành.

  Vào ngày đáo hạn trái phiếu chuyển đổi, toàn bộ trái phiếu chưa chuyển đổi sẽ được hoàn trả vốn gốc và lãi cho trái chủ.
- Lãi trái phiếu: 12%/năm, được thanh toán 1 năm/lần kể từ ngày phát hành trái phiếu;
- Giá chuyển đổi: 11.000 VND/cổ phần;
- Phương thức chào bán: chào bán riêng lẻ;
- Ngày phát hành: ngày 23 tháng 6 năm 2014;
- Mục đích sử dụng vốn: Đầu tư vào Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII, hoàn trả một phần nợ gốc trái phiếu phát hành năm 2007, đầu tư vào dự án xây dựng cao ốc văn phòng 152 Điện Biên Phủ và bổ sung vốn lưu động cho Công ty.

Ngày 23 tháng 12 năm 2014 - hạn chuyển đổi trái phiếu đợt 1, các trái chủ đã chuyển đổi 783.148 trái phiếu với tổng mệnh giá là 783.148.000.000 VDN thành 71.187.904 cổ phiếu.

Ngày 12 tháng 6 năm 2015 - hạn chuyển đổi đợt 2, các trái chủ đã chuyển đổi 80.514 trái phiếu thành 7.318.634 cổ phiếu. Số dư trái phiếu còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 218.184 trái phiếu tương đương với tổng mệnh giá là 218.184.000.000 VND.

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2014	**1.128.615.000.000**	**72.253.439.777**	**96.158.248.046**	**203.699.077.886**	**1.500.725.765.709**
Chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu	738.534.040.000	71.268.960.000	-	-	809.803.000.000
Phát hành cổ phiếu theo chương trình ESOP	400.000.000	-	-	-	400.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	235.531.127.129	235.531.127.129
Chia cổ tức	-	-	-	(135.361.800.000)	(135.361.800.000)
Chia lợi nhuận cho CIIB&R theo hợp đồng hợp tác đầu tư	-	-	-	(7.389.543.057)	(7.389.543.057)
Trích quỹ trong năm	-	-	4.303.625.636	(4.303.625.636)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(3.745.310.741)	(3.745.310.741)
Giảm khác	-	-	-	(1.628.750)	(1.628.750)
Tại ngày 01/01/2015	**1.867.549.040.000**	**143.522.399.777**	**100.461.873.682**	**288.428.296.831**	**2.399.961.610.290**
Chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu	158.546.340.000	7.309.060.000	-	-	165.855.400.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	363.717.962.577	363.717.962.577
Chia cổ tức	-	-	-	(234.349.084.800)	(234.349.084.800)
Chia lợi nhuận theo hợp đồng hợp tác đầu tư cho CII B&R *(i)*	-	-	-	(15.099.261.574)	(15.099.261.574)
Trích quỹ trong kỳ	-	-	19.408.424.461	(19.408.424.461)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(19.408.413.461)	(19.408.413.461)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015	**2.026.095.380.000**	**150.831.459.777**	**119.870.298.143**	**363.881.075.112**	**2.660.678.213.032**

(i) Khoản chia lợi nhuận từ hoạt động thu phí trạm Xa Lộ Hà Nội để hoàn vốn đầu tư cầu Rạch Chiếc cho Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII (CIIB&R) được thực hiện theo hợp đồng hợp tác đầu tư quyền thu phí như đã trình bày tại Thuyết minh số 19.

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

Cổ phần

	30/06/2015 Cổ phần	01/01/2015 Cổ phần
Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	202.609.538	186.780.904
Số lượng cổ phần đã phát hành ra công chúng	202.609.538	186.754.904
+ Cổ phần phổ thông	202.609.538	186.754.904
Số lượng cổ phần đang lưu hành	202.609.538	186.754.904
+ Cổ phần phổ thông	202.609.538	186.754.904
Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND/cổ phần		

Cổ tức

Ngày 22 tháng 4 năm 2015, Đại hội Cổ đông thường niên năm 2015 đã phê duyệt mức chi trả cổ tức của năm 2014 là 14% tương đương với 273.407.265.600 VND. Trong kỳ, Công ty đã chi trả cổ tức với tỷ lệ 12% cho các cổ đông, 2 % còn lại dự kiến sẽ được chi trả trong 6 tháng cuối năm 2015 và chưa được hạch toán trong báo cáo tài chính này. Đại hội Cổ đông cũng thông qua kế hoạch chi trả cổ tức năm 2015 là 14%.

24. DOANH THU

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Doanh thu thu phí giao thông trạm Xa lộ Hà nội hoàn vốn đầu tư dự án Cầu Rạch Chiếc		
Doanh thu quý 1	*88.590.795.000*	*86.718.170.000*
Doanh thu quý 2	*94.685.995.000*	*85.143.300.000*
	183.276.790.000	**171.861.470.000**
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Hoàn nhập lãi bảo toàn vốn chủ sở hữu dự án B.O.T	(6.570.000.000)	(5.903.000.000)
Doanh thu thuần	**176.706.790.000**	**165.958.470.000**

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Thu nhập từ đầu tư chứng khoán, chuyển nhượng các khoản đầu tư	316.980.879.780	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	131.185.152.799	128.747.543.280
Thặng dư từ phát hành trái phiếu hoán đổi	88.767.079.616	-
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	34.857.763.201	8.691.577.753
Lãi chậm thanh toán phí chuyển nhượng các công ty dự án	56.625.446.939	-
Lãi đầu tư trái phiếu	1.595.029.219	18.137.303.398
Lãi phát sinh từ các dự án hợp tác đầu tư	-	3.308.933.279
Doanh thu tài chính khác	-	69.281.773
Cộng	**630.011.351.554**	**158.954.639.483**

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Chi phí lãi vay	158.616.052.285	118.736.525.897
Chi phí chi phí bảo lãnh, phát hành trái phiếu	39.515.965.076	16.112.096.623
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	16.420.000.000	9.200.000.000
Chi phí tài chính khác	2.019.579.324	808.615.821
Hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính	-	(79.424.853.429)
Cộng	**216.571.596.685**	**65.432.384.912**

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Chi phí khấu hao quyền thu phí giao thông	112.165.395.480	87.854.484.080
Chi phí bảo hành, duy tu trạm thu phí giao thông	3.665.535.800	3.757.531.383
Chi phí in vé thu phí giao thông	349.348.978	354.831.527
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.209.626.814	1.134.285.702
Cộng	**117.389.907.072**	**93.101.132.692**

28. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Chi phí nhân viên quản lý	13.232.979.119	9.295.847.463
Chi phí đồ dùng văn phòng	253.967.480	230.703.284
Chi phí khấu hao	310.238.820	319.222.293
Thuế, phí và lệ phí	4.140.825.256	1.769.375.168
Chi phí dự phòng	17.165.395.033	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.156.946.573	2.500.447.852
Chi phí bằng tiền khác	299.096.727	146.893.637
Cộng	**38.559.449.008**	**14.262.489.697**

29. CHI PHÍ KHÁC

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Các khoản phạt thuế	3.712.302.035	42.069.117

30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	66.766.924.177	8.224.095.581
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	12.295.360
Cộng	**66.766.924.177**	**8.236.390.941**

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 22% trên thu nhập tính thuế.

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính

	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
Các khoản vay và nợ	3.568.175.551.422	3.290.080.983.221
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(269.889.101.067)	(387.209.093.464)
Nợ thuần	**3.298.286.450.355**	**2.902.871.889.757**
Vốn chủ sở hữu	2.660.678.213.032	2.399.961.610.290
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	**124%**	**121%**

Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu là hoàn toàn phù hợp với xu thế phát triển và chiến lược kinh doanh của Công ty vì Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực đầu tư hạ tầng kỹ thuật và hướng đến việc tập trung khai thác hiệu quả đầu tư cho đến hết vòng đời của dự án thay vì thực hiện chuyển nhượng để thu về lợi nhuận trong ngắn hạn. Mặt khác, trong tổng giá trị nợ và nay được sử dụng để xác định tỷ lệ nợ thuần, chủ yếu là các khoản nợ dài hạn trong đó bao gồm các khoản trái phiếu hoán đổi và chuyển đổi. Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng phần lớn các nhà đầu tư sẽ thực hiện chuyển đổi hoặc hoán đổi các trái phiếu này trong tương lai thay vì nhận thanh toán bằng tiền nên Công ty sẽ đảm bảo được khả năng thanh toán cho các khoản nợ khi đến hạn.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Các loại công cụ tài chính

Giá trị ghi sổ của các công cụ tài chính của Công ty tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính như sau:

	30/06/2015 VND	01/01/2015 VND
TÀI SẢN TÀI CHÍNH		
Tiền và tương đương tiền	269.889.101.067	387.209.093.464
Các khoản cho vay	1.065.326.445.841	525.249.562.136
Phải thu khách hàng	37.129.220.507	37.310.298.007
Phải thu khác	1.153.020.111.317	778.856.032.028
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	3.291.955.611.342	3.673.828.143.862
Cộng	**5.817.320.490.074**	**5.402.453.129.497**
NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH		
Phải trả người bán	283.253.163.080	276.815.023.740
Phải trả khác	530.584.111.723	465.571.336.420
Dự phòng phải trả	48.534.083.235	48.534.083.235
Các khoản vay	1.033.232.551.422	980.958.983.221
Trái phiếu thông thường	1.486.275.000.000	1.111.000.000.000
Trái phiếu chuyển đổi	1.048.668.000.000	1.198.122.000.000
Cộng	**4.430.546.909.460**	**4.081.001.426.616**

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn cụ thể cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả việc áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm khóa sổ lập báo cáo tài chính như sau:

	30/06/2015		01/01/2015	
	USD	VND	USD	VND
Tài sản tài chính	1.155,67	25.035.385	1.155,08	25.022.653
Nợ phải trả tài chính	36.000.000	855.000.000.000	40.000.000	786.060.000.000

Công ty chỉ chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đồng Đô la Mỹ. Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá việc thay đổi tỷ giá Đồng Việt Nam so với Đô la Mỹ không có ảnh hưởng trọng yếu đến kết quả kinh doanh của Công ty.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, đồng thời phân nhiệm một bộ phận thường xuyên kiểm tra, theo dõi tình hình hoạt động tại các công ty đầu tư.

Và Công ty cũng chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết. Hội đồng Quản trị của Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty con và công ty liên kết như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn là các công ty con, các công ty liên kết và các đối tác đầu tư lâu dài của Công ty.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
TẠI NGÀY 30/6/2015				
Tài sản tài chính				
Tiền và tương đương tiền	269.889.101.067	-	-	269.889.101.067
Các khoản cho vay	1.020.175.448.241	45.150.997.600	-	1.065.326.445.841
Phải thu khách hàng	37.129.220.507	-		37.129.220.507
Phải thu khác	93.745.195.311	101.826.277.860	957.448.638.146	1.153.020.111.317
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	-	3.291.955.611.342	3.291.955.611.342
Cộng	**1.420.938.965.126**	**146.977.275.460**	**4.249.404.249.488**	**5.817.320.490.074**
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán	283.253.163.080	-		283.253.163.080
Phải trả khác	315.151.477.787	-	215.432.633.936	530.584.111.723
Dự phòng phải trả	48.534.083.235	-	-	48.534.083.235
Các khoản vay	114.258.551.422	918.974.000.000	-	1.033.232.551.422
Trái phiếu thông thường	200.000.000.000	795.000.000.000	491.275.000.000	1.486.275.000.000
Trái phiếu chuyển đổi	830.484.000.000	218.184.000.000	-	1.048.668.000.000
Cộng	**1.791.681.275.524**	**1.932.158.000.000**	**706.707.633.936**	**4.430.546.909.460**
Chênh lệch thanh khoản thuần	**(370.742.310.398)**	**(1.785.180.724.540)**	**3.542.696.615.552**	**1.386.773.580.614**
TẠI NGÀY 01/01/2015				
Tài sản tài chính				
Tiền và tương đương tiền	387.209.093.464	-	-	387.209.093.464
Các khoản cho vay	499.598.564.536	25.650.997.600	-	525.249.562.136
Phải thu khách hàng	37.310.298.007	-		37.310.298.007
Phải thu khác	60.750.506.119	16.826.277.860	701.279.248.049	778.856.032.028
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	-	-	3.673.828.143.862	3.673.828.143.862
Cộng	**984.868.462.126**	**42.477.275.460**	**4.375.107.391.911**	**5.402.453.129.497**
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán	276.815.023.740	-	-	276.815.023.740
Phải trả khác	254.025.110.010	-	211.546.226.410	465.571.336.420
Dự phòng phải trả	48.534.083.235			48.534.083.235
Các khoản vay	218.470.983.221	762.488.000.000	-	980.958.983.221
Trái phiếu thông thường	200.000.000.000	911.000.000.000	-	1.111.000.000.000
Trái phiếu chuyển đổi	899.424.000.000	298.698.000.000	-	1.198.122.000.000
Cộng	**1.897.269.200.206**	**1.972.186.000.000**	**211.546.226.410**	**4.081.001.426.616**
Chênh lệch thanh khoản thuần	**(912.400.738.080)**	**(1.929.708.724.540)**	**4.163.561.165.501**	**1.321.451.702.881**

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Chênh lệch thanh khoản thuần âm trong ngắn hạn âm chủ yếu là do các khoản trái phiếu chuyển đổi gần đáo hạn. Công ty tin tưởng rằng các trái phiếu này sẽ được chuyển đổi theo kế hoạch của Công ty và Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

32. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Ngoài các bên liên quan là các công ty con và công ty liên kết, tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty còn có bên liên quan khác là các công ty con, công ty liên kết đầu tư gián tiếp thông qua các công ty con khác như đã trình bày tại Phần 1 - Thông tin khái quát. Chi tiết số dư và giao dịch trong kỳ với các bên liên quan này như sau

Các giao dịch trọng yếu trong kỳ với các bên liên quan này bao gồm:

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa Lộ Hà Nội:		
Cho vay	24.000.000.000	65.500.000.000
Thu hồi tiền cho vay	48.500.000.000	140.000.000.000
Lãi cho vay phải thu	6.215.521.723	1.821.561.286
Chi hộ	225.825.600	223.053.600
Mua trái phiếu	-	310.000.000.000
Lãi trái phiếu phải thu	-	12.918.082.192
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu Sài Gòn		
Chi hộ	225.825.600	223.053.600

Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong kỳ:

	Từ 01/01/2015 đến 30/06/2015 VND	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Lương	3.955.647.588	3.149.981.588
Thưởng	7.563.292.323	2.339.461.569
Cộng	**11.518.939.911**	**5.489.443.157**

33. SỐ LIỆU SO SÁNH

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 Công ty đã thực hiện chế độ kế toán doanh nghiệp theo Thông tư số 200. Theo đó, Công ty đã thực hiện trình bày lại một số chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 1 thang 1 năm 2015 theo quy định của Thông tư 200 nên số liệu của Báo cáo tài chính riêng cho kỳ hoạt động từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 là có thể so sánh được với số liệu tương ứng của năm 2014. Chi tiết các khoản mục được trình bày lại như sau:

Các chỉ tiêu	01/01/2015 Theo QĐ 15	Trình bày lại	01/01/2015 Trình bày lại
Tài sản ngắn hạn	**511.416.393.589**	**104.000.000.000**	**615.416.393.589**
Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	499.598.564.536	499.598.564.536
Phải thu ngắn hạn khác	511.211.993.589	(395.394.164.536)	115.817.829.053
Tài sản ngắn hạn khác	204.400.000	(204.400.000)	-
Tài sản dài hạn	**908.559.497.675**	**(128.729.884.639)**	**779.829.613.036**
Phải thu về cho vay dài hạn	-	25.650.997.600	25.650.997.600
Đầu tư dài hạn khác	793.762.766.972	(793.762.766.972)	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	202.985.291.258	202.985.291.258
Đầu tư nắm giữ đến ngày đá	-	461.126.478.114	461.126.478.114
Chi phí trả trước dài hạn	114.796.730.703	(24.729.884.639)	90.066.846.064
Cộng tài sản	**1.419.975.891.264**	**(24.729.884.639)**	**1.395.246.006.625**
Nợ ngắn hạn	**1.317.894.983.221**	**(899.424.000.000)**	**418.470.983.221**
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	1.317.894.983.221	(899.424.000.000)	418.470.983.221
Nợ dài hạn	**1.972.186.000.000**	**874.694.115.361**	**2.846.880.115.361**
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	1.972.186.000.000	(303.914.000.000)	1.668.272.000.000
Trái phiếu chuyển đổi	-	1.178.608.115.361	1.178.608.115.361
Vốn chủ sở hữu	**100.461.873.682**	-	**100.461.873.682**
Quỹ đầu tư phát triển	-	100.461.873.682	100.461.873.682
Quỹ dự phòng tài chính	100.461.873.682	(100.461.873.682)	-
Cộng nguồn vốn	**3.390.542.856.903**	**(24.729.884.639)**	**3.365.812.972.264**

34. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ

Ngày 3 tháng 7 năm 2015, Hội đồng Quản trị Công ty đã chấp thuận điều chỉnh mức chi trả cổ tức năm 2015 từ 14% lên 16% để trình Đại hội cổ đông gần nhất. Như vậy, cuối năm 2015 và đầu năm 2016, Công ty sẽ chi trả cổ tức tổng cộng là 18%. Tổng số cổ tức sẽ trả ước tính khoảng 364.697.168.400 VND. Công ty thống nhất chi trả cổ tức đợt 1 năm 2015 là 10% (trong đó, chi trả 2% cổ tức còn lại của năm 2014 và 8% cổ tức của năm 2015), ước tính khoảng 36.469.716.840 VND. Công ty chưa hạch toán giá trị cổ tức phải trả này vào báo cáo tài chính kỳ này.

Ngày 6 tháng 7 năm 2015, các nhà đầu tư sở hữu trái phiếu chuyển đổi do Goldman Sachs quản lý đã thực hiện chuyển đổi 4.500.000 USD trái phiếu trong 11.000.000 USD còn lại thành 9.810.000 cổ phiếu, nâng số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết đang lưu hành của Công ty từ 202.609.538 lên 212.419.538 cổ phiếu.

Hội đồng Quản trị Công ty đã có nghị quyết cho CII mua lại cổ phiếu được Goldman Sachs chuyển đổi với khối lượng mua lại tối đa là 10% cổ phiếu đang lưu hành tại từng thời điểm (tính theo số lượng hiện nay là khoảng 20.260.954 cổ phiếu) để làm cổ phiếu quỹ. Việc mua lại đã được sự chấp thuận của Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước. Ban điều hành Công ty đang xúc tiến làm việc với các bên liên quan để thực hiện việc mua lại cổ phiếu quỹ.

Ngày 21 tháng 7 năm 2015, Công ty đã đặt mua thành công 1.200 tỷ VND trái phiếu chuyển đổi do Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII phát hành, được quyền chuyển đổi thành 120 triệu cổ phiếu LGC với giá chuyển đổi là 10.000VND/cổ phiếu.

Nguyễn Thị Tuyết Nhung	**Nguyễn Thị Mai Hương**	**Lê Quốc Bình**
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Tổng Giám đốc**

Ngày 26 tháng 8 năm 2015